

TIÊU CHUẨN KỸ NĂNG NGHỀ

**TÊN NGHỀ : MẪU C XÂY DỰNG VÀ TRANG TRÍ NỘI THẤT
MÃ SỐ NGHỀ :**

Hà Nội, tháng 5 năm 2011

GIỚI THIỆU CHUNG

I. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG:

Trường Cao đẳng Xây dựng Nam Định và Ban Chấp hành xây dựng Tiêu chuẩn kỹ năng nghề Nghề Mộc Xây dựng và Trang trí nội thất đã thực hiện đúng Hợp đồng số 10PL3/HĐ-XDTCKNN ngày 02/7/2009 ký kết với Viện Nghiên cứu Khoa học Công nghệ và Kỹ năng nghề - Tổng Cục Công nghệ. Các bước như sau:

1- Nghiên cứu, chỉnh sửa, bổ sung sơ đồ phân tích nghề, phân tích công việc:

- Xây dựng phác thảo án nghiên cứu, thu thập thông tin, rà soát, nghiên cứu hoàn chỉnh sơ đồ phân tích nghề, phân tích công việc đã được xây dựng năm 2008 (Phác thảo cho xây dựng khung trình khung trình để TCN, CĐN Nghề Mộc Xây dựng và Trang trí nội thất).

- Thu thập các thông tin, tài liệu có liên quan đến xây dựng tiêu chuẩn kỹ năng nghề Nghề Mộc Xây dựng và Trang trí nội thất và tiếp tục nghiên cứu, rà soát để tra khảo sát về quy trình sản xuất, các vị trí làm việc, mức độ lao động để bổ sung, hoàn chỉnh sơ đồ phân tích nghề, các phiếu phân tích công việc.

- Báo cáo tổng hợp kết quả phân tích nghề và phân tích công việc.

2- Xây dựng danh mục các công việc theo các bước trình để kỹ năng:

- Báo cáo tổng hợp thu thập được để phác thảo các công việc để lựa chọn, sắp xếp theo các bước trình để kỹ năng từ bước thấp đến bước cao.

- Xây dựng mẫu phiếu xin ý kiến các chuyên gia về danh mục các công việc theo các bước trình để, gửi đến 30 chuyên gia để xin ý kiến và tổng hợp các ý kiến của họ.

3- Biên soạn tiêu chuẩn kỹ năng nghề:

- Biên soạn 155 phiếu tiêu chuẩn thực hiện công việc.

- Lập và gửi đến các chuyên gia xin ý kiến về bộ phiếu tiêu chuẩn thực hiện công việc.

- Chuẩn bị tài liệu Hội thảo khoa học hoàn thiện bộ phiếu tiêu chuẩn thực hiện.

- Lấy ý kiến nhận xét, thẩm định cho tổng hợp phiếu tiêu chuẩn thực hiện công việc.

II. ĐỊNH HƯỚNG:

Bộ tiêu chuẩn kỹ năng nghề Mộc xây dựng và Trang trí nội thất sau khi đã được thẩm định và ban hành là tài liệu sử dụng cho công tác đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia cho người lao động, giúp cho quy trình kiểm tra đánh giá kết quả quá trình người học và kết quả đánh giá xếp bậc theo các cấp sản xuất để xếp bậc lương, tuyển dụng, sắp xếp nhân lực... cho khoa học và hợp lý.

II. DANH SÁCH THÀNH VIÊN THAM GIA XÂY DỰNG:

TT	Họ và tên	Nơi làm việc
1	Ông Nguyễn Văn Tuấn	Trưởng Cao đẳng Xây dựng Nam Định- BXD
2	Ông Nguyễn Văn Tiến	Vice Tổng Giám đốc Cán bộ - Bộ Xây dựng
3	Ông Trần Quang Long	Trưởng Cao đẳng Xây dựng Nam Định- BXD
4	Ông Ninh Bá Thú	Trưởng Cao đẳng Xây dựng Nam Định- BXD
5	Ông Vũ Ngọc Hoa	Trưởng Cao đẳng Xây dựng Nam Định- BXD
6	Ông Nguyễn Văn Tuấn	Trưởng Cao đẳng Xây dựng Nam Định- BXD
7	Ông Nguyễn Phi Long	Trưởng Trung cấp KTNV Sông Hồng- BXD
8	Ông Ninh Văn Chiêu	Công ty TNHH Đông Tâm- Nam Định
9	Ông Nguyễn Văn Đức	Làng nghề La Xuyên- Ý Yên- Nam Định

III. DANH SÁCH THÀNH VIÊN THAM GIA TH   M  NH:

T T	H� và tên	N� i làm vi�c
1	Ông U�ng Đ�nh Ch�t	Ph� V� tr� �ng V� TCCB- B� X�y d�ng
2	Ông Nguy�n Đ�c Tr�	Vi�n Khoa h�c Gi�o d�c Vi�t Nam
3	Ông B�i V�n D�ng	CV V� T� ch�c c�n b� - B� X�y d�ng
4	Ông Ph�m Tr�ng Khu	Hi�u tr� �ng Tr� �ng C� X�y d�ng Nam Đ�nh
5	Ông Tr�n Kh�c Li�m	Tr� �ng khoa- Tr� �ng Cao đ�ng XD C�ng tr�nh Đ� th�
6	Ông Đ�o V�n H�nh	Gi�m đ�c C�ng ty X�y d�ng H�ng Quang Nam Đ�nh
7	Ông L� H�ng Th�i	C�ng ty TNHH Đ�ng t�m - � Y�n - Nam Đ�nh

MÔ TẢ NGHỀ

TÊN NGHỀ : MẪU C XÂY DỰNG VÀ TRANG TRÍ NỘI THẤT

MÃ SỐ NGHỀ : 50540603

Nghề Mẫu C xây dựng và trang trí nội thất là nghề làm những sản phẩm gắn liền với các công trình xây dựng như : Làm cửa, khuôn cửa, ván khuôn, cầu thang, tủ bếp, ốp lát đồ gỗ sàn... Các sản phẩm được làm từ các nguyên vật liệu gỗ tự nhiên, ván nhân tạo và các vật liệu khác, đảm bảo tính kỹ thuật phù hợp với nhu cầu sử dụng của công trình.

I. Các nhiệm vụ của nghề:

- A. Thiệt kế mẫu sản phẩm Mẫu C xây dựng và Trang trí nội thất;
- B. Chuẩn bị nguyên vật liệu;
- C. Pha phối;
- D. Gia công mặt phẳng - mặt cong;
- E. Gia công mặt cong;
- F. Hoàn thiện bề mặt sản phẩm;
- G. Làm khuôn cửa, cánh cửa;
- H. Làm ván khuôn;
- I. Ốp lát đồ gỗ, sàn, trần gỗ;
- J. Làm tủ bếp;
- K. Làm cầu thang gỗ;
- L. Làm sản phẩm mái dầm;
- M. Đóng đồ mộc dân dụng;
- N. Làm nhuôm kính

- Nghề Mẫu C xây dựng và trang trí nội thất được làm trong xưởng, các công trình nhà dân, các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp phụ thuộc bên ngoài khu vực miền trong phạm vi toàn quốc...

III. Trang thiết bị, công cụ và chất liệu cần có cho nghề Mẫu C xây dựng và Trang trí nội thất:

- Công cụ gồm: Nhà xưởng, bãi tập kết nguyên vật liệu, kho chứa đồ dùng và bảo quản sản phẩm;
- Các loại máy móc để phục vụ công việc gia công sản phẩm: Máy cửa, máy bào, máy khoan, máy đánh nhẵn, máy soi nhẵn, máy vánh lòn...;
- Các loại đồ dùng cần thiết công: Cửa, bào, đục, ... chuyên dùng trong nghề Mẫu C xây dựng và Trang trí nội thất;
- Vật liệu gỗ tự nhiên và các vật liệu liên quan khác;
- Các loại nguyên vật liệu phụ: Keo, sơn, vec ni, nhựa tổng hợp, giấy nhám, đinh...;
- Các bề mặt ván khuôn kim loại.

DANH MỤC CÔNG VIỆC

TÊN NGHỀ : MỤC XÂY DỰNG VÀ TRANG TRÍ NỘI THẤT

MÃ SỐ NGHỀ :

TT	Mô tả công việc	Công việc	Trình độ kỹ năng nghề				
			Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3	Bậc 4	Bậc 5
	A	Thiết kế mẫu sản phẩm Mục Xây dựng và trang trí nội thất					
1	A01	Nghiên cứu quy trình thiết kế sản phẩm				X	
2	A02	Chọn bề mặt công cụ, vật liệu vữa			X		
3	A03	Vẽ hình dáng mẫu sản phẩm			X		
4	A04	Vẽ kết cấu mối ghép, chi tiết sản phẩm			X		
5	A05	Vẽ trang trí hình vuông - chữ nhật			X		
6	A06	Vẽ trang trí hình tròn - E líp			X		
7	A07	Vẽ trang trí hình khối			X		
	B	Chọn bề mặt nguyên vật liệu					
8	B01	Xác định nguồn cung cấp nguyên vật liệu				X	
9	B02	Thực hiện các thao tác mua nguyên vật liệu			X		
10	B03	Chọn gỗ tự nhiên	X				
11	B04	Chọn gỗ ván nhân tạo	X				
12	B05	Hong phôi gỗ	X				
13	B06	Tìm thu các bộ đồ quần gỗ	X				
14	B07	Sấy gỗ	X				

TT	Mô tả công việc	Công việc	Trình độ kỹ năng nghề				
			Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3	Bậc 4	Bậc 5
	C	Pha phối					
15	C01	Xác định số lượng, kích thước phối		X			
16	C02	Sử dụng các loại dụng cụ đo vetch và mẫu vetch		X			
17	C03	Sử dụng cửa dúc	X				
18	C04	Sử dụng cửa cắt ngang	X				
19	C05	Sử dụng cửa lộn		X			
20	C06	Mài, mài, tháo, lắp máy cửa đĩa cầm tay		X			
21	C07	Cắt gọt bằng máy cửa đĩa cầm tay	X				
22	C08	Mài, mài, tháo, lắp máy cửa đĩa xích dúc		X			
23	C09	Sử dụng máy cửa đĩa xích dúc		X			
24	C10	Mài, mài, tháo, lắp máy cửa vòng lộn		X			
25	C11	Sử dụng máy cửa vòng lộn		X			
26	C12	Bào dũa bằng máy cửa đĩa cầm tay		X			
27	C13	Bào dũa bằng máy cửa đĩa đứt cắt định		X			
28	C14	Bào dũa bằng máy cửa vòng lộn		X			
	D	Gia công mặt phẳng - mặt cong					
29	D01	Mài lười bào		X			

TT	Mô tả công việc	Công việc	Trình độ kỹ năng nghề				
			Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3	Bậc 4	Bậc 5
30	D02	Sử dụng bào cầm		X			
31	D03	Sử dụng bào lau		X			
32	D04	Sử dụng bào ngang bào mặt cong		X			
33	D05	Mài, tháo, lắp và bào gỗ bằng máy bào cầm tay		X			
34	D06	Mài, mài, tháo, lắp máy bào cầm	X				
35	D07	Bào gỗ bằng máy bào cầm		X			
36	D08	Bào gỗ bằng máy bào cuốn bốn mặt		X			
37	D9	Lắp lưỡi và gia công gỗ bằng máy soi gỗ cầm tay		X			
38	D10	Bào dùng máy bào cầm tay		X			
39	D11	Bào dùng máy bào cầm		X			
40	D12	Bào dùng máy bào cuốn 4 mặt		X			
41	D13	Bào dùng máy soi gỗ cầm tay		X			
	E	Gia công mộc					
42	E01	Mài đục phẳng	X				
43	E02	Gia công mộc âm dùng bằng dụng cụ thủ công	X				
44	E03	Gia công mộc thông bằng dụng cụ thủ công	X				
45	E04	Gia công mộc kẹp bằng dụng cụ thủ công	X				

TT	Mô tả công việc	Công việc	Trình độ kỹ năng nghề				
			Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3	Bậc 4	Bậc 5
60	F03	Nhuộm găng			X		
61	F04	Pha véc ni			X		
62	F05	Đánh véc ni			X		
63	F06	Pha sơn			X		
64	F07	Quét sơn			X		
65	F08	Phun sơn bằng máy			X		
66	F09	Pha dầu bóng			X		
67	F10	Phun nhũ a tòng hợp bằng máy (Phun PU)			X		
68	F11	Kiểm tra, đánh giá, phân loại sơn phôi				X	
	G	Làm khuôn cửa, làm cửa					
69	G01	Làm khuôn cửa đơn, kép			X		
70	G02	Làm khuôn cửa vành mai				X	
71	G03	Làm con song, lắp là		X			
72	G04	Làm cửa ván ghép	X				
73	G05	Làm cửa Pa nô		X			
74	G06	Làm cửa kính			X		
75	G07	Làm cửa chớp			X		
76	G08	Làm cửa chớp vành mai				X	
77	G09	Lắp đóng cửa có khuôn			X		
78	G10	Lắp phôi kim cửa			X		

TT	Mô tả công việc	Công việc	Trình độ kỹ năng nghề				
			Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3	Bậc 4	Bậc 5
79	G11	Tính khối lượng vật liệu, nhân công			X		
	H	Làm ván khuôn					
80	H01	Phân loại, cấu tạo, phạm vi sử dụng và báo quản ván khuôn			X		
81	H02	Gia công sàn xuất, lắp dựng và tháo dỡ ván khuôn móng cột cọc	X				
82	H03	Gia công sàn xuất, lắp dựng và tháo dỡ ván khuôn móng bằng	X				
83	H04	Gia công sàn xuất, lắp dựng và tháo dỡ ván khuôn cột tiết diện vuông - chữ nhật		X			
84	H05	Gia công sàn xuất, lắp dựng và tháo dỡ ván khuôn cột tiết diện tròn			X		
85	H06	Gia công sàn xuất, lắp dựng và tháo dỡ ván khuôn lanh tô - ô văng		X			
86	H07	Gia công sàn xuất, lắp dựng và tháo dỡ ván khuôn dầm liên sàn			X		
87	H08	Gia công sàn xuất, lắp dựng và tháo dỡ ván khuôn dầm, sàn cầu thang			X		
88	H09	Gia công sàn xuất, lắp dựng và tháo dỡ ván khuôn tường	X				
89	H10	Gia công sàn xuất, lắp dựng và tháo dỡ ván khuôn Sê nô			X		

TT	Mô tả công việc	Công việc	Trình độ kỹ năng nghề				
			Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3	Bậc 4	Bậc 5
90	H11	Lắp dựng và tháo dỡ ván khuôn định hình móng cột đúc lắp	X				
91	H12	Lắp dựng và tháo dỡ ván khuôn định hình móng băng	X				
92	H13	Lắp dựng và tháo dỡ ván khuôn cột định hình tiết diện vuông - chữ nhật		X			
93	H14	Lắp dựng và tháo dỡ ván khuôn cột định hình tiết diện tròn			X		
94	H15	Lắp dựng và tháo dỡ ván khuôn định hình lanh tô - ô văng		X			
95	H16	Lắp dựng và tháo dỡ ván khuôn định hình dầm liên sàn			X		
96	H17	Lắp dựng và tháo dỡ ván khuôn định hình cầu thang hai nhịp			X		
97	H18	Lắp dựng và tháo dỡ ván khuôn định hình tường	X				
98	H19	Lắp dựng và tháo dỡ ván khuôn định hình Sê nô			X		
99	H20	Tính khối lượng vật liệu, nhân công			X		
	I	Đắp lát dầm, trần, sàn, tường					
100	I01	Đúc bê tông vữa, lắp bảng thép kê vật liệu			X		
101	I02	Chọn vật liệu lấp, lát dầm, sàn, trần, tường			X		

TT	Mô tả công việc	Công việc	Trình độ kỹ năng nghề				
			Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3	Bậc 4	Bậc 5
102	I03	Đắp chân tường			X		
103	I04	Đắp cột			X		
104	I05	Đắp dầm			X		
105	I06	Lát sàn gỗ			X		
106	I07	Làm trần nhà			X		
107	I08	Gia công, sơn xuất và lắp ghép hoa văn trên gỗ			X		
108	I09	Tính khối lượng vật liệu, nhân công			X		
	J	Làm tủ bếp					
109	J01	Đặt bồn vệ			X		
110	J02	Chặt gỗ			X		
111	J03	Gia công khung tủ bếp			X		
112	J04	Gia công khung cánh tủ			X		
113	J05	Gia công ván bậc			X		
114	J06	Lắp ráp sơn phết			X		
115	J07	Hoàn thiện bề mặt sơn phết			X		
116	J08	Lắp đặt tủ			X		
117	J09	Lắp phôi kim loại			X		
118	J10	Tính khối lượng vật liệu, nhân công			X		
	K	Làm cầu thang gỗ					
119	K01	Đặt bồn vệ, lắp bồn vệ theo kê vật liệu			X		

TT	Mô tả công việc	Công việc	Trình độ kỹ năng nghề				
			Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3	Bậc 4	Bậc 5
120	K02	Gia công tay vịn cửa thang			X		
121	K03	Gia công khuỷu tay vịn				X	
122	K04	Gia công thanh chắn tay vịn			X		
123	K05	Gia công trục tay vịn			X		
124	K06	Gia công bậc thang			X		
125	K07	Lắp bậc thang			X		
126	K08	Lắp thanh chắn tay vịn			X		
127	K08	Lắp tay vịn			X		
128	K09	Lắp khuỷu tay vịn				X	
129	K10	Lắp trục tay vịn			X		
130	K11	Tính khối lượng vật liệu, nhân công			X		
	L	Làm sơn mái dúc					
131	L01	Đúc bê tông vữa			X		
132	L02	Gia công vì kèo			X		
133	L03	Lắp dầm vì kèo			X		
134	L04	Gia công, lắp dầm xà gồ		X			
135	L05	Gia công, lắp dầm cửa phong		X			
136	L06	Gia công, lắp dầm li tô		X			
137	L07	Tính khối lượng vật liệu, nhân công			X		
	M	Đóng dầm Múc dân dầm					
138	M01	Đúc bê tông vữa			X		

TT	Mô tả công việc	Công việc	Trình độ kỹ năng nghề				
			Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3	Bậc 4	Bậc 5
139	M02	Gia công ghép tủ 3 nan cong			X		
140	M03	Gia công bàn làm việc 1 quầy bằng gỗ tự nhiên			X		
141	M04	Gia công bàn làm việc 1 quầy bằng gỗ MDF			X		
142	M05	Gia công bàn máy vi tính bằng gỗ MDF			X		
143	M06	Gia công giường khung hợp phing			X		
144	M07	Gia công tủ áo 2 buồng			X		
145	M08	Gia công ghế sofa lông nan tay thing			X		
146	M09	Tính khối lượng vật liệu, nhân công			X		
	N	Làm nhôm kính					
147	N01	Chặt, đo, cắt vật liệu		X			
148	N02	Cắt kính		X			
149	N03	Sử dụng kìm bìm đinh tán		X			
150	N04	Sử dụng máy cắt nhôm		X			
151	N05	Làm cửa sổ đẩy bằng nhôm kính			X		
152	N06	Làm cửa đi bằng nhôm kính			X		
153	N07	Làm tủ quầy bằng nhôm kính			X		
154	N08	Làm tủ đựng bát đĩa bằng nhôm kính			X		
155	N09	Tính khối lượng vật liệu, nhân công			X		
Tổng cộng:			20	50	78	7	0

TIÊU CHUẨN THỰC HIỆN CÔNG VIỆC

Tên Công việc: NGHIÊN CỨU QUI TRÌNH THIẾT KẾ SẢN PHẨM

Mã số Công việc: A01

I. MÔ TẢ CÔNG VIỆC:

- Tìm hiểu khái niệm trang trí nội thất về màu, hình dáng, kích thước, màu sắc...
- Tìm hiểu thị hiếu, nguyên vật liệu, giá cả ...
- Nghiên cứu trình tự các bước thiết kế trang trí nội thất.

II. CÁC TIÊU CHÍ THỰC HIỆN:

- Thực hiện đúng trình tự các bước;
- Thúc đẩy được mối hoạt động và nâng cao óc thẩm mỹ của con người;
- Màu sắc phù hợp và mang tính văn hoá theo vùng miền;
- Thời gian nghiên cứu phù hợp với định mức giao.

III. CÁC KỸ NĂNG VÀ KIẾN THỨC THIẾT YẾU:

1. Kỹ năng:

- Phân tích, nghiên cứu, tổng hợp được các yếu tố liên quan đến sản phẩm thiết kế;
- Phân biệt được các loại hình khối, hoạ tiết, màu sắc;
- Lựa chọn và xây dựng được trình tự thiết kế cho một sản phẩm.

2. Kiến thức:

- Hiểu rõ phong tục, tập quán từng vùng miền;
- Mô tả được các khuynh hướng thời trang;
- Trình bày được những hiểu biết về văn hoá dân tộc;
- Giải thích được ý nghĩa và các loại màu sắc;
- Nêu được quy trình và trình tự các bước vẽ mặt thu, kỹ thuật.

IV. CÁC ĐIU KIỆN THỰC HIỆN CÔNG VIỆC:

- Sản phẩm hoàn thiện đặt hàng;
- Bút, sổ ghi chép;
- Các màu sắc cần: Màu gỗ, màu nóng, màu lạnh, màu trung tính;
- Các loại nguyên vật liệu sử dụng để trang trí nội thất.

V. TIÊU CHÍ VÀ CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ KỸ NĂNG:

Tiêu chí đánh giá	Cách thức đánh giá
- Thực hiện trình tự các bước nghiên cứu; - Số đầy đủ, rõ ràng của các đường nét, số liệu... - Số phù hợp với khuynh hướng thời trang và nền văn hoá vùng miền; - Số phù hợp thời gian nghiên cứu với định mức thời gian.	- Kiểm tra, theo dõi đổi chiều với quy định; - Kiểm tra, so sánh với tiêu chuẩn; - Quan sát, đánh giá theo tiêu chuẩn; - Theo dõi thời gian, đổi chiều với định mức.

TIÊU CHUẨN THỰC HIỆN CÔNG VIỆC

Tên Công việc: CHUẨN BỊ DẪNG CÁCH VẬT LIỆU VẼ

Mã số Công việc: A02

I. MÔ TẢ CÔNG VIỆC:

- Chọn các vật liệu để vẽ;
- Chọn các loại bút vẽ;
- Chọn bảng giá vẽ;
- Chọn mẫu vẽ.

II. CÁC TIÊU CHÍ THỰC HIỆN:

- Giấy vẽ phải phẳng, không nhám, không dính nhàu, rách, không sẫm màu;
- Giá vẽ phù hợp với các khay giấy;
- Chọn mẫu vẽ có hình khối rõ ràng, không nhiễu màu sắc sắc sảo;
- Thời gian chuẩn bị phù hợp với định mức.

III. CÁC KỸ NĂNG VÀ KIẾN THỨC THIẾT YẾU:

1. Kỹ năng:

- Phân biệt được các loại giấy vẽ, dụng cụ vẽ;
- Lựa chọn được giấy vẽ, mẫu vẽ và các dụng cụ để vẽ phù hợp;

2. Kiến thức:

- Trình bày được các quy định về các khay giấy, dụng cụ hay mẫu vẽ của các loại bút vẽ;
- Mô tả được tính năng tác dụng của giá vẽ;
- Hiểu thích được ý nghĩa và đặc trưng của các loại màu sắc;

IV. CÁC ĐỐI ƯU KIẾN THỨC HIỆN CÔNG VIỆC:

- Các loại khay giấy vẽ: A4, A3, A2, A1, A0. Hoặc các vật liệu khác để vẽ đầy đủ;
- Bút vẽ đầy đủ;
- Giá vẽ đầy đủ;
- Mẫu vẽ đầy đủ.

V. TIÊU CHÍ VÀ CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ KỸ NĂNG:

Tiêu chí đánh giá	Cách thức đánh giá
- Số phù hợp của bút vẽ và các loại kỹ giãy vẽ;	- Quan sát, theo dõi để chỉ ra với quy định;
- Số phù hợp của màu vẽ so với yêu cầu;	- Quan sát, kiểm tra màu vẽ, so sánh với tiêu chuẩn của từng loại;
- Kỹ năng sắp xếp giá vẽ đúng quy trình;	- Theo dõi quá trình thực hiện thao tác, để chỉ ra với quy trình chuẩn;
- Số phù hợp thời gian nghiên cứu với định mức thời gian.	- Theo dõi thời gian, để chỉ ra với định mức.

TIÊU CHUẨN THỰC HIỆN CÔNG VIỆC

Tên Công việc: **VẼ HÌNH DẪNG MẪU SẢN PHẨM**

Mã số Công việc: **A03**

I. MÔ TẢ CÔNG VIỆC:

- Nghiên cứu sản phẩm mẫu hoặc ảnh chụp hoặc sản phẩm thực tế;
- Phác họa tổng thể mẫu của sản phẩm;
- Vẽ hình chi tiết đúng của sản phẩm;
- Vẽ hình chi tiết bằng của sản phẩm;
- Vẽ hình chi tiết cắt của sản phẩm;
- Vẽ hình cắt ngang và dọc;
- Vẽ hình chi tiết trục đo của sản phẩm;
- Chọn số đo và hoàn thiện bản vẽ.

II. CÁC TIÊU CHÍ THỰC HIỆN:

- Thực hiện đúng trình tự các bước;
- Nét vẽ, hình vẽ, chữ và số phù hợp với quy định và kỹ thuật;
- Thực hiện đầy đủ các đường nét chi tiết của sản phẩm;
- Bản vẽ bản vẽ cân đối hài hòa;
- Thời gian vẽ phù hợp với định mức giao.

III. CÁC KỸ NĂNG VÀ KIẾN THỨC THIẾT YẾU:

1. Kỹ năng:

- Phân biệt được các loại giấy vẽ, dụng cụ vẽ;
- Lựa chọn được giấy vẽ, mẫu vẽ và các dụng cụ vẽ phù hợp;
- Vẽ được mẫu sản phẩm theo đúng trình tự, đảm bảo tốc độ, bản vẽ hợp lý.

2. Kiến thức:

- Trình bày được những hiểu biết về văn hóa dân tộc;
- Mô tả được hình dạng và phạm vi sử dụng các loại sản phẩm;
- Mô tả được kích thước, tính năng tác dụng của các loại sản phẩm;
- Trình bày được hình chi tiết đúng, bằng, cắt và hình chi tiết trục đo của sản phẩm.